

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

ISLAM GIÁO VÀ VẤN ĐỀ AN NINH KHU VỰC ĐÔNG NAM Á

PHẠM THỊ VINH^(*)

Khái quát về các cộng đồng Islam giáo ở Đông Nam Á

Hiện nay trên thế giới có trên một tỉ tín đồ Muslim⁽¹⁾, trong đó số các Muslim ở Đông Nam Á chiếm khoảng 17%, tức là khoảng trên 210 triệu người. Các tín đồ Islam giáo ở Đông Nam Á phần lớn đều thuộc dòng chính thống (Sunnism) và có mặt ở tất cả các nước trong khu vực, trong đó cộng đồng Muslim ở Indonesia là đông nhất, chiếm khoảng 88% dân số của nước này.

Trong các nước Đông Nam Á chỉ có Malaysia và Brunei công nhận Islam giáo là quốc giáo, trong khi đó Indonesia có cộng đồng Muslim lớn nhất thế giới lại không coi Islam giáo là quốc giáo² và tôn giáo này không có vị trí đặc biệt nào trong Hiến pháp. Trong các quốc gia Đông Nam Á còn lại (Philippines, Thái Lan, Myanmar, Singapore, Campuchia, Lào, Việt Nam), cộng đồng Muslim là cộng đồng thiểu số cả về số lượng tín đồ và cả về sắc tộc.

Islam giáo ở Đông Nam Á có sự thống nhất cao và mang tính khu vực rất rõ rệt. Nó là chất keo liên kết cộng đồng, đồng thời cũng là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến sự phân li giữa các cộng đồng dân tộc ở mỗi nước và trong khu vực. Tính thống nhất đầu tiên của các cộng đồng Muslim trong khu vực là các cộng đồng này đều được hình thành thông qua giao lưu buôn

bán, tiếp xúc văn hóa giữa các cư dân địa phương với các thương gia Muslim đến từ các nước Arab, Ấn Độ, Trung Quốc, Ba Tư... hay nói cách khác là thông qua con đường hoà bình. Islam giáo khi đến đây không những không huỷ bỏ hoàn toàn những yếu tố văn hóa bản địa của các cư dân trong khu vực mà ngược lại đã tự biến đổi để hoà hợp với môi trường mới, từ bỏ những yếu tố khắt khe trong giáo lí cũng như trong thực hành tôn giáo và tiếp nhận nhiều yếu tố văn hóa bản địa, khiến cho nền văn hóa Islam giáo trong khu vực có nhiều nét khác biệt với nền văn hóa Islam giáo ở Trung Đông. Có thể nói Islam giáo ở Đông Nam Á mang tính ôn hòa, và ít chịu ảnh hưởng của những tư tưởng quá khích, cực đoan.

Sự thống nhất thứ hai liên kết các cộng đồng Muslim trong khu vực là: các cộng đồng Muslim trong khu vực đều cùng chia sẻ di sản văn hoá Melayu như nói tiếng Melayu (Indonesia, Brunei, Singapore, Malaysia, Thái Lan) hoặc sử dụng ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Melayu-Polinesian (Cộng đồng người Chăm Muslim ở Campuchia, Việt Nam, Lào, và

*. TS. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

1. Muslim: tiếng Arab có nghĩa là người theo đạo Islam. Trong các tài liệu viết về Islam giáo bằng các ngôn ngữ khác nhau, các tác giả thường sử dụng thuật ngữ Muslim, Muslimun (ở dạng số ít trong cấu trúc ngữ pháp tiếng Arab) hay Musulman (ở dạng số nhiều).

cộng đồng người Moro ở miền Nam Philippines); tiếng Melayu đã trở thành ngôn ngữ giao tiếp của các cộng đồng Muslim trong khu vực; các Muslim trong khu vực một thời đã sử dụng chữ Jawi (dùng chữ cái Ả-rập và Ba Tư) để biểu thị tiếng Melayu và làm phương tiện để phát triển những sáng tạo trí tuệ như văn thơ, văn tự, kế ước, các văn bản chính thức của nhà nước...; không chỉ có sự tương đồng về ngôn ngữ, các cộng đồng Muslim trong khu vực còn có nhiều phong tục tập quán, lễ nghi, trang phục, ẩm thực giống như người Melayu ở Malaysia và đặc biệt là cùng chịu ảnh hưởng sâu đậm của văn hóa Ấn Độ - Islam giáo.

Điểm chung thứ ba là phần lớn các cộng đồng Muslim ở Đông Nam Á đều hưng thịnh vào khoảng thế kỷ XV-XVII, tức là thời kì tiền thực dân. Vì vậy khi thực dân phương Tây đến xâm lược Đông Nam Á thì đã bị các cộng đồng Muslim chống trả quyết liệt. Họ đã thực sự có những đóng góp to lớn trong phong trào chống thực dân giành độc lập cho đất nước. Chúng ta có thể lấy cuộc đấu tranh của các Muslim ở Indonesia và người Moro ở Philippines làm ví dụ. Ở Indonesia, người Aceh là một trong những dân tộc theo Islam giáo một cách cuồng nhiệt nhất. Trên vùng đất Aceh đã từng tồn tại những nhà nước Islam giáo hùng mạnh và có thế lực lớn không chỉ đối với Indonesia mà đối với cả khu vực. Khi Indonesia rơi vào tay thực dân Hà Lan, các nhà lãnh đạo và nhân dân Aceh đã tập hợp dưới ngọn cờ Islam giáo, bền bỉ chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước và cũng là bảo vệ tôn giáo của mình. Trên thực tế, Hà Lan chưa bao giờ làm chủ được hoàn toàn Aceh và đã phải rút khỏi khu vực này vào năm 1942. Thời kì phát xít Nhật chiếm đóng Indonesia, Aceh vẫn là miền đất tự trị và khi Nhật đầu hàng,

Hà Lan quay trở lại Indonesia thì Aceh lại là miền đất duy nhất của Indonesia chưa bị Hà Lan chiếm lại và đã trở thành trung tâm của cuộc cách mạng chống Hà Lan ở Indonesia.

Cũng như người Aceh ở Indonesia, người Moro ở Philippines đã không chấp nhận sự đô hộ của thực dân Tây Ban Nha và bền bỉ đấu tranh chống ngoại xâm trong suốt 300 năm để bảo vệ nền độc lập của mình. Thực tế là chỉ đến trước khi chuyển giao Philippines cho Mỹ, người Moro mới chịu công nhận chính quyền Tây Ban Nha. Sau đó là cuộc đấu tranh dai dẳng của họ chống đế quốc Mỹ trong suốt nửa thế kỉ, cho đến khi đất nước này giành lại được nền độc lập của mình vào năm 1946.

Điểm chung thứ tư của các cộng đồng Muslim Đông Nam Á là sự phát triển mạnh mẽ của phong trào phục hưng Islam giáo ở hầu khắp các cộng đồng Muslim. Phong trào phục hưng Islam giáo bắt nguồn từ các nước Islam giáo ở Trung Đông từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, và đã nhanh chóng lan sang các cộng đồng Muslim khác ở khắp thế giới và đặc biệt là ở Đông Nam Á, nơi các tín đồ Muslim có xu hướng tìm về cội nguồn tôn giáo của mình. Nội dung của phong trào này là tiến hành cải cách tôn giáo nhằm đưa thế giới Islam giáo trở lại thời kì huy hoàng của mình mà trước hết là thông qua cải cách giáo dục Islam giáo hay còn gọi là phong trào khai sáng. Phong trào khai sáng đã thu hút được đông đảo các tầng lớp tín đồ tham gia, nhất là giới trí thức Islam giáo (Ulama)⁽²⁾. Ở các nước

2. Ulama bao gồm các giáo viên tôn giáo, những người có kiến thức uyên thâm về Islam giáo nói chung và giáo luật Islam giáo nói riêng. Tầng lớp này đã trở thành tầng lớp tinh hoa của các cộng đồng Islam giáo ở các nước Đông Nam Á có đông tín đồ Muslim.

Đông Nam Á, phong trào khai sáng Islam giáo phát triển mạnh mẽ ở các cộng đồng Muslim của Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Brunei, Philippines, Singapore và đã sản sinh cho các cộng đồng Muslim này một lực lượng Ulama hùng hậu. Giới Ulama không chỉ góp phần nâng cao nhận thức về tôn giáo, nâng cao trình độ giáo dục cho con em Muslim mà còn trở thành một tầng lớp lãnh đạo mới, một lực lượng chính trị hùng hậu của các nước này và họ đã lãnh đạo hầu hết các phong trào Muslim trong khu vực. Phong trào phục hưng Islam giáo đặc biệt phát triển mạnh mẽ ở các nước Đông Nam Á từ thập niên 70-80 của thế kỉ XX lại đây. Phong trào này không chỉ tuyên truyền kết nạp thêm các tín đồ mới, nâng cao và củng cố ý thức và trách nhiệm tôn giáo của các tín đồ mà nó còn đẩy mạnh sự cố kết cộng đồng tôn giáo trong mỗi nước cũng như trong phạm vi toàn khu vực. Tinh thần đồng giáo không chỉ được củng cố trên tinh thần "anh em" của tất cả các tín đồ không phân biệt quốc gia, dân tộc, giàu nghèo, cùng nhau chia sẻ ngọt bùi và giúp nhau trong hoạn nạn mà còn trở thành một điểm nhấn trong chính sách ngoại giao của các nước Islam giáo như Malaysia, Brunei.

Đến nay, Islam giáo ở các nước Đông Nam Á không chỉ tăng nhanh về số lượng mà đã biến đổi về chất lượng, đặc biệt là nó đã trở thành một lực lượng chính trị ở nhiều nước trong khu vực. Bên cạnh những điểm chung nói trên, các cộng đồng Muslim ở Đông Nam Á có những khác biệt do những điều kiện chủ quan và khách quan tạo ra. Sự khác biệt có thể là về mức độ Islam giáo hóa ở mỗi cộng đồng dân cư ở mỗi địa phương và ở mỗi nước khác nhau. Ví dụ ở Indonesia, người Aceh mộ đạo hơn người Jawa. Người Melayu ở Malaysia tuân thủ những

nguyên tắc của Islam giáo nghiêm ngặt hơn người Chăm ở Việt Nam và ở Campuchia. Những khác biệt do chủ nghĩa thực dân tạo ra. Chúng ta có thể lấy Indonesia và Malaysia làm ví dụ. Thực dân Hà Lan trong thời kì cai trị Indonesia đã tiêu diệt nhiều Sultanate⁽³⁾ và hạn chế thi hành luật Islam giáo, hoặc giảm thiểu ảnh hưởng chính trị của chúng đến mức Islam giáo chỉ còn là những dấu ấn văn hóa, lịch sử trong nhiều thế kỉ trên vùng lãnh thổ thuộc Indonesia ngày nay. Một phần vì thế mà cho đến khi Indonesia giành được độc lập, nơi đây chỉ còn lại một nền quân chủ duy nhất là Sultanate Yogyakarta. Điều này giải thích vì sao các lực lượng Muslim ở Indonesia đã không giành được ưu thế chính trị và đưa đất nước này thành một quốc gia Islam giáo thực sự sau khi nước này giành được độc lập. Trong khi đó, thực dân Anh ở Malaysia vẫn duy trì các Sultanate và quyền lực của các Sultan⁽⁴⁾. Dưới thời Nhật chiếm đóng, người Nhật đã huy động người Melayu dưới sự lãnh đạo của các Sultan chống lại sự phản kháng chống Nhật của người Hoa. Vì vậy, quyền lực của các nhà lãnh đạo Melayu-Muslim truyền thống đã được bảo đảm ở mức cao khi Malaysia trở thành một quốc gia độc lập. Xã hội Melayu vẫn là xã hội quân chủ, nơi địa vị của các Sultan vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

Những điểm chung và những khác biệt nói trên của các cộng đồng Muslim giúp lí giải nhiều vấn đề liên quan đến tôn giáo này ở mỗi nước và khu vực.

3. Sultanate: Tiếng Arập để gọi các quốc gia Islam giáo, được xây dựng trên cơ sở luật của Islam giáo (luật Shariat).

4. Sultan: tiếng Arập để chỉ người đứng đầu các Sultanate.

Islam giáo và phong trào li khai ở các nước Đông Nam Á

Đông Nam Á từ thập niên cuối thế kỉ XX đến nay luôn là điểm nóng của các cuộc xung đột sắc tộc và tôn giáo. Xung đột đã xảy ra ở các tỉnh miền Nam Philippines, Thái Lan, Malaysia và nhất là Indonesia, một nước đa dân tộc và đa tôn giáo. Những cuộc xung đột ở Maluku, Kalimantan, Irian Jaya và Aceh đã đẩy Indonesia vào cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến các cuộc xung đột này có nhiều điểm khác nhau, nhưng chúng có một điểm chung dễ thấy là ít nhiều đều có liên quan đến vấn đề tôn giáo và dân tộc mà chủ yếu là Islam giáo. Phong trào li khai của người Aceh ở Indonesia, người Moro ở miền Nam Philippines và người Melayu-Muslim ở miền Nam Thái Lan đều gắn với vấn đề dân tộc thiểu số theo Islam giáo và cùng có chung một mục tiêu là tách khỏi chính quyền trung ương để thành lập một nhà nước Islam giáo riêng nhằm bảo vệ quyền lợi dân tộc và tôn giáo của mình.

Khi nói đến phong trào li khai của các Muslim ở Đông Nam Á, chúng ta không thể không nói đến mối quan hệ giữa Islam giáo với chủ nghĩa dân tộc. Vấn đề này rất phức tạp và nhạy cảm. Ở Malaysia, Islam giáo là quốc giáo và là tôn giáo của cộng đồng dân tộc chiếm đa số, nên mối quan hệ giữa Islam giáo và chủ nghĩa dân tộc khác với quan hệ ở những nước mà cộng đồng Muslim chỉ là thiểu số và vị thế của Islam giáo bị hạn chế như ở Thái Lan và Philippines. Nếu ở Malaysia, chủ nghĩa dân tộc Melayu và Islam giáo cùng bảo vệ quyền lợi của dân tộc đa số cầm quyền Melayu, thì chủ nghĩa dân tộc ở miền Nam Philippines và Nam Thái Lan là chủ nghĩa dân tộc của

người thiểu số, bảo vệ quyền lợi của người thiểu số, chống lại chính phủ của người đa số. Các chính sách đồng hóa văn hóa và khai thác tài nguyên thiên nhiên, nhất là nguồn lợi đất đai của chính phủ các nước này đối với khu vực cư trú hay quê hương của các cộng đồng thiểu số Muslim đã khiến cho họ bất bình và nổi dậy. Islam giáo không phải là mục tiêu chính của các cuộc đấu tranh li khai của họ, song nó đã trở thành biểu tượng của dân tộc và là ngọn cờ để tập hợp và thống nhất dân tộc trong cuộc đấu tranh chống lại sự "thống trị của người đa số cầm quyền".

Các tín đồ Islam giáo có một mối liên kết chặt chẽ dựa trên nguyên tắc tất cả các tín đồ Muslim đều là anh em, không phân biệt giàu nghèo, đẳng cấp, dân tộc, quốc gia. Chính vì vậy, những vấn đề của các Muslim ở mỗi nước Đông Nam Á đều được các Muslim ở khu vực và thế giới quan tâm. Điều này khiến cho các vấn đề liên quan đến Islam giáo dễ dàng được quốc tế hóa và tác động mạnh mẽ đến tình hình không chỉ trong mỗi nước mà còn ở cả khu vực.

Islam giáo và vấn đề an ninh khu vực Đông Nam Á

Vấn đề li khai của các cộng đồng Muslim trong khu vực tác động mạnh mẽ đến tình hình an ninh không chỉ trong nội bộ mỗi nước mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chung của cả khu vực. Thứ nhất, vấn đề li khai của các Muslim ở Đông Nam Á không còn là vấn đề nội bộ của mỗi nước mà đã được quốc tế hóa. Các nhà lãnh đạo phong trào li khai đã công khai hóa mục tiêu đấu tranh của mình và gắn chúng với phong trào đấu tranh chung của các Muslim trong khu vực và trên toàn thế giới, nhất là phong trào đấu tranh chống các thế lực áp bức vì sự nghiệp giải phóng dân tộc và

bảo vệ tôn giáo của các Muslim. Vì vậy, các cuộc đấu tranh này đã thu hút được sự quan tâm giúp đỡ của các cộng đồng Muslim ở nhiều nước trong khu vực và thế giới. Nếu như chính phủ các nước trong khu vực không giúp các nước có phong trào li khai của các Muslim giải quyết vấn đề của họ một cách đúng đắn và ổn thỏa thì chúng có thể phá vỡ nghiêm trọng mối quan hệ thống nhất của các nước trong khối ASEAN. Trên thực tế, các Muslim trong khu vực đã ngấm ngấm giúp đỡ người đồng giáo của họ đang nổi dậy và bị đàn áp ở các nước láng giềng, ngoài sự chỉ đạo và kiểm soát của các chính phủ. Điều này đã khiến các nước có phong trào li khai nghi ngờ chính phủ các nước láng giềng giúp những người bạo loạn chống lại họ. Vì vậy mà quan hệ giữa Malaysia và Philippines, giữa Malaysia và Thái Lan đã không ít lần bị gián đoạn vì các Muslim ở các bang biên giới của Malaysia đã giúp đỡ các Muslim li khai ở Thái Lan và Philippines và chứa chấp người tị nạn từ các nước này chạy sang cư trú và tìm việc làm. Mặc dù Chính phủ Malaysia đã bày tỏ thái độ ủng hộ chính sách của Chính phủ Thái Lan và Philippines, nhưng vẫn không tránh khỏi sự nghi ngờ lẫn nhau rằng chính phủ nước này đã đứng đằng sau các Muslim để gây khó dễ cho họ.

Không những thế, vấn đề tôn giáo và dân tộc là những vấn đề nhạy cảm có liên quan mật thiết với nhau, trong khi đó, hầu hết các nước trong khối ASEAN đều là các quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo và vấn đề hòa hợp dân tộc và thống nhất quốc gia là vấn đề sống còn của mỗi nước. Vì vậy, phong trào li khai tôn giáo rất dễ lan từ nước này sang nước khác như một phản ứng dây chuyền, vì ở mỗi nước đều tiềm ẩn những vấn đề có thể dẫn tới mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo, nhất là những vấn đề của các dân tộc thiểu số.

Chúng ta có thể lấy ví dụ gần đây: phong trào li khai của người Aceh ở Indonesia không chỉ gây căng thẳng và bất ổn định chính trị cho nước này mà còn tác động không nhỏ đến tình hình an ninh, trật tự xã hội, kinh tế, đầu tư... của các nước Đông Nam Á khác, nhất là các nước láng giềng.

Thứ nhất: Khi tình hình bạo lực leo thang ở Aceh, nhiều người dân ở Indonesia nói chung và khu vực Aceh nói riêng đã di cư sang các nước láng giềng để lánh nạn và làm ăn sinh sống, gây ra làn sóng di cư bất hợp pháp ồ ạt sang Malaysia, Singapore, Brunei... làm ảnh hưởng đến sự ổn định chính trị và đời sống văn hoá xã hội của các nước này. Không những thế, làn sóng di cư bất hợp pháp của người dân Indonesia khiến cho quan hệ giữa nước này với các nước láng giềng trở nên căng thẳng. Tình hình càng trở nên phức tạp khi trong số những người nhập cư bất hợp pháp đó lại có các thành viên của Phong trào Aceh độc lập đã sinh sống ở Malaysia nhiều năm, khiến cho Chính phủ Indonesia nghi ngờ rằng Malaysia đã ngấm ngấm ủng hộ họ⁽⁵⁾.

Thứ hai: Phong trào li khai đòi độc lập ở Aceh đã kích lệ các phong trào tương tự ở miền Nam Philippines, ở miền Nam Thái Lan và một số nơi khác, làm mất ổn định về chính trị của khu vực và tác động đến các lĩnh vực hợp tác đầu tư phát triển giữa các nước, cũng như hạn chế sự đầu tư của nước ngoài vào các nước trong khu vực.

Thứ ba: Indonesia là nước lớn và có tầm quan trọng đặc biệt trong khu vực. Sự mất ổn định của Indonesia có thể ảnh hưởng đến sự thống nhất của các nước

5. Xem: Phạm Văn Đức. *Tác động của sự mất ổn định Indônêxia đối với Đông Nam Á*. Tạp chí *Khoa học Quản sự*, tháng 8 năm 2003.

trong cộng đồng ASEAN về mặt thể chế cũng như an ninh khu vực, làm gia tăng các vụ khủng bố và nạn cướp biển nhất là ở eo biển quốc tế Melaka mà thủ phạm chủ yếu là người Indonesia.

Islam giáo cũng có tác động không nhỏ đến chính sách ngoại giao của Malaysia đối với các nước láng giềng Đông Nam Á khác, nhất là với Thái Lan và Philippines, nơi các cộng đồng Muslim li khai có quan hệ rất gần gũi với các Muslim Malaysia về lãnh thổ, văn hóa và sắc tộc. Các Muslim ở Malaysia luôn đồng cảm và giúp đỡ những các Muslim gốc Melayu ở miền Nam Thái Lan, những người luôn bất đồng với Chính phủ Thái Lan Phật giáo và trong nhiều năm nay đã đấu tranh đòi li khai để thành lập một quốc gia Islam giáo độc lập, thậm chí có thể sáp nhập với Malaysia. Vấn đề trở nên phức tạp hơn, khi Chính phủ Thái Lan cho rằng không chỉ các Muslim Melayu ở biên giới hai nước ủng hộ các Muslim li khai mà Chính phủ Malaysia cũng đã giúp đỡ họ.

Trên thực tế, một số lượng lớn các Muslim ở miền Nam Thái Lan đã di cư sang đất Malaysia. Do cùng chung sắc tộc, ngôn ngữ và phong tục tập quán với các Muslim Malaysia, họ đã vượt qua biên giới và sáp nhập một cách kín đáo vào các làng Melayu, và trong nhiều trường hợp đã xuất hiện những làng thuần nhất của các Muslim Thái Lan trên lãnh thổ Malaysia. Tháng giêng năm 1981, một cuộc di cư lớn nhất của các Muslim Thái Lan vào lãnh thổ Malaysia đã xảy ra khi trên 1.000 người tị nạn đã chạy vào các quận Sik, Baling và Kroh thuộc bang Kedah và Perak. Trong khi người Malaysia xem sự việc này là vấn đề tị nạn thiện chí, thì người Thái Lan lại cho rằng thấy người tị nạn là đặc vụ của Tổ chức Giải Phóng Pattani Thống nhất

(PULO), một tổ chức li khai của các Muslim ở Thái Lan.

Tính chất nghiêm trọng của vấn đề đã tăng lên do Chính phủ Malaysia từ chối đáp ứng những yêu cầu của Thái Lan về việc hồi hương những người tị nạn, ít nhất cho tới khi những lí do về di cư ồ ạt được xem xét kĩ lưỡng bởi chính người Malaysia. Hơn nữa, Mahathir đã đi xa đến mức thừa nhận là mặc dù chính phủ đã xây dựng một chính sách chính thức về việc không tiếp nhận người tị nạn, thì vẫn có chính sách không xác định về vấn đề người tị nạn Thái Lan - Muslim. Sự thực là đã có tiền lệ từ năm 1978, khi Malaysia tiếp nhận 100.000 Muslim Campuchia đến cư trú...

Vấn đề là người Thái Lan đã tin sự có mặt của nhiều người nổi dậy PULO trong số những người tị nạn này, những người mà Chính phủ Malaysia đã cố ý che chở. Về phía Malaysia, việc trì hoãn giải quyết vấn đề này tác động đáng kể đến nền chính trị Liên bang. Chính phủ Trung ương không phải lúc nào cũng có khả năng hành động một cách kiên quyết đối với các vấn đề của các bang, nhất là những vấn đề nhạy cảm liên quan đến tôn giáo và dân tộc.

Mặc dù cả hai bên Malaysia và Thái Lan đều mong muốn thực hiện chính sách ngoại giao thâm lặng trong cơ chế ASEAN về vấn đề này, nhưng người Malaysia đôi khi đã khôn ngoan chuyển gánh nặng cho các diễn đàn quốc tế khác. Yêu cầu trước tiên của Malaysia là sự tham gia của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn (UNHCR) vào vấn đề này, làm cho người Thái Lan lo lắng, vì họ mong muốn vấn đề này mang tính chất song phương để tránh áp lực quốc tế khi người Malaysia bảo đảm rằng sự tham gia của quốc tế sẽ có lợi cho Thái Lan. Tuy nhiên, vấn đề căng thẳng giữa hai nước liên quan đến vấn đề biên giới một phần được

giải thích bởi sự khác nhau về cách nhìn nhận của hai phía. Phía Thái Lan phê phán Malaysia làm ngơ trước những nỗ lực của các phần tử Melayu giúp các Muslim li khai. Về phần mình, Malaysia tiếp tục giúp Thái Lan "một cách không chính thức" thông qua các chiến dịch ngoại giao "bí mật" ở các nước Trung Đông, những nước đã hào phóng giúp đỡ cho những các Muslim Pattani về vật chất.

Malaysia và Thái Lan đều tin rằng những hoạt động hợp tác kinh tế hai bên sẽ dần dần cải thiện được điều kiện sống của cư dân ở khu vực biên giới hai nước và tình trạng di cư tự do vì thế sẽ giảm đáng kể. Các cuộc đàm phán mở rộng về dự án Tam giác miền Bắc bao gồm các bang phía Bắc của bán đảo Malaysia, các bang miền Nam Thái Lan và miền Bắc Sumatra ở Indonesia và dần dần đưa khu vực này thành khu vực hợp tác vì lợi ích kinh tế với tiềm năng lớn hơn cho tất cả các bên đã thể hiện quan điểm này. Trong thời gian gần đây, quan hệ giữa hai nước đã được cải thiện, mặc dù vấn đề chủ nghĩa li khai ở miền Nam Thái Lan vẫn còn là vấn đề bức xúc và ngày càng trở nên phức tạp khi nhiều vụ khủng bố đã xảy ra trong khu vực này.

Quan hệ giữa Malaysia và Philippines vốn đã chịu ảnh hưởng của vấn đề dân tộc thiểu số đồng tôn giáo ở hai bên biên giới, lại thêm phức tạp bởi việc tuyên bố về chủ quyền lãnh thổ Sabah của Philippines và vấn đề người tị nạn ở bang này. Năm 1978, thống kê chính thức của chính phủ cho thấy có 70.000 người tị nạn từ miền Nam Philippines đến Sabah và Sabah càng trở nên căng thẳng vì sự có mặt của những người nhập cư bất hợp pháp từ Indonesia vào bang miền Đông này của Malaysia.

Sự có mặt với số lượng lớn các Muslim tị nạn đã khiến cho các quan chức Philippines tin rằng trong số đó có nhiều du kích thuộc Mặt trận giải phóng dân tộc Moro (MNLF), một phong trào li khai ở miền Nam Philippines dẫn đến sự căng thẳng đáng kể trong quan hệ giữa hai quốc gia, ngay cả khi Chính phủ Malaysia đã tuyên bố trước sau như một về ý định tôn trọng các nguyên tắc không can thiệp của mình.

Năm 1985, các đoàn đại biểu từ Malaysia, Indonesia và Brunei đến Hội nghị ngoại trưởng các quốc gia Islam giáo đã phản đối quyết định lên án Chính phủ Marcos "đàn áp người thuộc Bangsamoro"⁶⁾ và phủ nhận những quyền cơ bản của con người". Ngay sau Hội nghị, Tổng thống Marcos đã ra tuyên bố công khai cảm ơn các chính phủ này vì đã giúp đỡ và giải thích cho vị thế của Philippines. Những sự kiện như vậy đã thể hiện sự mong muốn của Chính phủ Malaysia duy trì quan hệ tốt với một thành viên ASEAN thông qua hoạt động ngoại giao ở cấp quốc tế, mặc dù áp lực trong nước đòi phải ưu tiên cho quyền lợi của các cộng đồng thiểu số Muslim.

Bất kì một hành động thiện ý công khai nào của Malaysia vì quyền lợi chính trị và ngoại giao của cộng đồng thiểu số Muslim ở miền Nam Philippines đều có liên quan trực tiếp đến những vấn đề toàn vẹn lãnh thổ còn chưa được giải quyết giữa Malaysia và Philippines. Vì vậy, mặc dù quyết định của Nghị viện Malaysia công nhận về mặt ngoại giao đối với Tổ chức Giải phóng Palestin năm 1981, các quan chức chính phủ và phi chính phủ (bao gồm cả đại diện bộ ngoại giao có mặt trong cuộc thảo luận) đều chỉ ra rằng không nên và sẽ không nên đặt ra

6. Bangsamoro: có nghĩa là dân tộc Moro.

tiền lệ cho việc công nhận các tổ chức "giải phóng" khác như các tổ chức ở miền nam Thái Lan và Philippines.

Cũng như trường hợp của Thái Lan, chính sách của Chính phủ Mahathir đối với cộng đồng Muslim ở Philippines đã ngày càng tập trung vào các mục tiêu lâu dài, trước tiên là thông qua viện trợ và hợp tác kinh tế để bảo đảm an ninh của mình. Quan niệm về Khu vực tăng trưởng miền Đông ASEAN, bao gồm cả miền Nam Philippines, các bang miền Đông Malaysia, Kalimantan và Sulawesi ở Indonesia và Brunei đã được theo đuổi để phát triển kinh tế và được thừa nhận là biện pháp tích cực mà Malaysia có thể có đóng góp cho khu vực này. Thí dụ như sự thành thạo và kinh nghiệm của ngân hàng Islam giáo. Sự mở đầu của Ủy ban chung về sự phát triển kinh tế-xã hội của người Pilipinos Muslim giữa Malaysia và Philippines năm 1996 đã đặc biệt hướng tới những mục đích như vậy. Trong lễ khai trương sáng kiến này, Bộ trưởng Ngoại giao Malaysia, Datuk Abdullah Ahmad Badawi, đã gắn kết lịch trình với công việc của Ủy ban và giải pháp cho các vấn đề về nhập cư bất hợp pháp vào Malaysia và đặc biệt là vào Sabah.

Hơn nữa, năm 1996, Malaysia và Indonesia với tư cách là thành viên quan trọng của Ủy ban OIC, đã làm môi giới cho một hiệp ước hòa bình giữa Chính quyền Fidel Ramos và MNLF do Nur Misuari lãnh đạo với mục đích hướng tới bảo đảm quyền tự trị ở một mức độ nhất định cho cộng đồng Muslim ở miền Nam Philippines. Trong khi hiệp ước gây ra sự phản đối rộng khắp của người Kitô giáo ở Philippines cũng như sự bất đồng của các phe phái li khai thuộc MNLF và MILF (Mặt trận giải phóng Islam giáo Moro) và các nhóm Abu Sayaff, thì Malaysia lại bày tỏ sự hài lòng với bước đi và nội dung của

các cuộc đàm phán và kết luận cuối cùng của hiệp ước hòa bình tháng 8 năm 1996, đã gắn kết một cách trực tiếp nhu cầu và triển vọng của hòa bình ở khu vực với quyền lợi kinh tế - của Malaysia nói riêng và của Khu vực tăng trưởng miền Đông ASEAN nói chung.

Vấn đề thiểu số Muslim ở trong khu vực cũng tác động đến quan hệ của Malaysia với Singapore, không chỉ do sự tương đồng về hình thể mà còn vì lịch sử gắn bó của dân tộc hai nước. Sau khi Singapore tách ra khỏi Liên bang Malaysia, hai nước này tiếp tục lệ thuộc lẫn nhau về kinh tế, cùng chung các mối quan hệ về gia đình và quan trọng hơn cả là mối quan hệ cộng đồng. Người thiểu số Muslim - Melayu ở Singapore chiếm khoảng 15% dân số, được thừa nhận về phía Malaysia là "một cộng đồng bị thiệt thòi được quyền bảo vệ".

Trong suốt một thời gian dài, Malaysia phải đương đầu với các vấn đề người tị nạn từ các đối tác khác trong khu vực khiến cho chính phủ nước này lâm vào tình thế tiến thoái lưỡng nan trong việc điều chỉnh lịch trình phát triển kinh tế-xã hội và an ninh trong nước mà không làm tổn hại đến tình hữu nghị với các nước ASEAN, không làm tổn hại tới tình cảm và sự quan tâm giúp đỡ của những người anh em đồng giáo của họ trong khu vực và thế giới.

Hiện nay, trong bối cảnh phong trào li khai của các Muslim ở các nước Đông Nam Á tiếp tục diễn biến phức tạp và các cuộc khủng bố liên tiếp xảy ra trên địa phận của các cộng đồng Muslim khiến cho các nước trong khu vực phải quan tâm nhiều hơn đến vấn đề an ninh của chính mình cũng như sự ổn định chung của toàn khu vực./